

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY N1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2024/HS-PT
Ngày 25-12-2024

**NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY N1**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Đồng.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy; bà Nguyễn ThAh Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Thoa, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tây N1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây N1 tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Út Nhỏ, Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây N1 xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 180/2024/TLPT-HS ngày 05 tháng 11 năm 2024, đối với bị cáo Nguyễn Văn T, do có kháng cáo của bị cáo, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 117/2024/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Gò D, tỉnh Tây N1.

- Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Văn T, sinh ngày 20-7-1994, tại tỉnh Nghệ A; nơi cư trú: xóm 2, xã ThAh H, huyện ThAh CH, tỉnh Nghệ A; chỗ ở hiện nay: ấp Suối Cao B, xã Phước D, huyện Gò D, tỉnh Tây N1; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Chiên và bà Nguyễn Thị A; vợ, con: chưa có; tiền án: không có; tiền sự: không có. Bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông L Trần L, sinh năm 1982, cư trú tại: ấp Suối Cao A, xã Phước D, huyện Gò D, tỉnh Tây N1; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T và Bùi Quốc Vg cùng làm chung Công ty và ở chung khu nhà trọ nên thường đi với nhau. Ah Vg hỏi mượn xe mô tô Exciter của em ruột là chị Bùi Ngọc L để T chở Ah Vg đi làm, L đồng ý và giao xe cho Ah Vg; xe L mua vào ngày 12-8-2023, chưa đăng ký biển số.

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 01-9-2023, T điều khiển xe mô tô Exciter chở Ah Vg từ nhà trọ tại ấp Suối Cao B, xã Phước D, huyện Gò D đến nhà ông Huỳnh Văn Thum, thuộc ấp Suối Cao A, xã Phước D, huyện Gò D để uống rượu, đến khoảng 19 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô Exciter chở Ah Vg đi

trên đường tỉnh lộ 782, hướng từ Gò D đến thị xã Trảng Bàng để về nhà trọ. Khi đến khu vực ấp Suối Cao A, xã Phước D, huyện Gò D, T quay lại phía sau nói chuyện với Ah Vg, Ah Vg nhìn thấy xe mô tô biển số 59X1-523.34 đAg lưu thông cùng chiều phía trước chỉ còn cách khoảng 05 m nên bảo T quay lại phía trước; T quay lại nhưng không phAh kịp, không tránh kịp nên tông từ phía sau xe mô tô biển số 59X1-523.34, người điều khiển là ông L Trần L, làm ông L ngã xuống đường, xe của ông L cày trên đường hướng về phía trước và va chạm vào xe mô tô biển số 70F1-700.20 do Ah L Tuấn Vĩ đAg đỗ bên lề phải cùng chiều phía trước, làm ngã xe Ah Vĩ, sau đó xe ông L vắng ra hướng dải phân cách. Ông L bị tH nặng được người thân đưa đến Bệnh viện đa khoa Xuyên Á Tây N1 cấp cứu, Ah Vg và T bị xây sát nhẹ.

Ngày 02-9-2023, ông L được chuyển đến Bệnh viện Nhân dân 115, Thành phố Hồ Chí Minh điều trị đến ngày 27-9-2023 chuyển đến Bệnh viện Phục hồi chức năng - Điều trị bệnh nghề nghiệp, Thành phố Hồ Chí Minh điều trị. Ngày 22-11-2023, ông L tiếp tục nhập viện tại Bệnh viện Phục hồi chức năng - Điều trị bệnh nghề nghiệp, Thành phố Hồ Chí Minh điều trị đến ngày 22-12-2023 xuất viện.

Kết luận giám định tổn tH cơ thể trên người sống số 3202 ngày 06-6-2024 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận, tỷ lệ tổn tH cơ thể của ông L Trần L tại thời điểm giám định là 79%.

Kết quả kiểm tra nồng độ cồn của Nguyễn Văn T thể hiện, T sử dụng rượu có nồng độ cồn 1,002mg/lít khí thở.

Vật chứng thu giữ và xử lý như sau: Xe mô tô Yamaha hiệu Exciter, chưa có biển số, số khung RLCUGI1010PY388767, số máy G3D4E1159808 của chị Bùi Ngọc L cho Ah Vg mượn, đã trả lại cho chị L; xe mô tô biển số 59X1-523.34 đã trả lại cho bị hại L Trần L; xe mô tô biển số 70F1-700.20 đã trả lại cho Ah L Tuấn Vĩ.

Về trách nhiệm dân sự:

+ Ông L Trần L yêu cầu bồi thường số tiền 200.000.000 đồng, gia đình bị cáo T đã bồi thường cho ông L 39.000.000 đồng, còn lại 161.000.000 đồng, tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo chấp nhận bồi thường.

+ Ah Bùi Quốc Vg, Ah L Tuấn Vĩ không yêu cầu bồi thường.

- Bản án hình sự sơ thẩm số 117/2024/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Gò D, tỉnh Tây N1, quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585, 590 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường cho ông L Trần L số tiền 161.000.000 (một trăm sáu mươi một triệu) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp, án phí, quyền kháng cáo của bị cáo và đương sự trong vụ án.

- Ngày 08 tháng 10 năm 2024, bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo, xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo với lý do mức án Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là nặng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây N1 tham gia phiên tòa trình bày qua điểm như sau:

+ Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T đúng thời hạn, đúng về trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 117/2024/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Gò D, tỉnh Tây N1.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin được giảm hình phạt và được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung tra hỏi tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, vào ngày 08 tháng 10 năm 2024, bị cáo Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo là trong thời hạn luật định; xét về trình tự, thủ tục đúng theo quy định tại Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung:

Vào ngày 01-9-2023, Nguyễn Văn T chở Ah Bùi Quốc Vg bằng xe mô tô Exciter đi uống rượu, xe chưa có biển số, do Ah Vg mượn của em gái là chị Bùi Ngọc L. Sau khi uống rượu, trên đường về, trên tỉnh lộ 782 đến đoạn thuộc ấp Suối Cao A, xã Phước D, T quay ra phía sau nói chuyện với Ah Vg, Ah Vg nhìn thấy 01 chiếc xe mô tô cùng chiều phía trước do ông L Trần L điều khiển, chỉ còn cách khoảng 05 m nên báo cho T quay lại nhưng T không xử lý được và tông từ phía sau xe của ông L Trần L, ông L té ngã xuống đường bất tỉnh; xe ông L cài trên đường, đụng ngã xe của Ah L Tuấn Vĩ đã đổ bên lề đường bên phải cùng chiều.

Ông L được người thân đưa đi cấp cứu, điều trị, bị tổn thương cơ thể như sau: Liệt nửa người bên trái, gãy xương hàm, gãy 02 xương sườn, dập lá lách, gãy gai ngực 03 đốt sống lưng. Kết luận giám định, tỷ lệ tổn thương cơ thể 79%.

Mặc dù T có giấy phép lái xe nhưng điều khiển phương tiện tham gia giao thông khi trong người đã có nồng độ 1,002 mg/1 lít khí thở, là vi phạm khoản 8 Điều 8 của Luật Giao thông đường bộ, được sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Điều 35 của Luật số 44/2019 ngày 14-6-2019 về phòng, chống tác hại của rượu, bia. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” với T tiết định khung hình phạt “Trong T trạng có dùng rượu,

bia mà trong hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định” theo điểm b khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Tội phạm quy định tại khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự có khung hình phạt từ 03 năm đến 10 năm tù. Tòa án sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm tù; bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, thấy rằng:

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, xâm phạm đến trật tự công cộng, A toàn giao thông, xem thường tính mạng, sức khỏe của người khác, gây tổn thương thể của ông L đến 79%. Khi quyết định hình phạt, Tòa án sơ thẩm đã xem xét đầy đủ những T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xử phạt bị cáo 02 năm tù là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định, là không nặng.

Tuy mức hình phạt áp dụng cho bị cáo là dưới 03 năm nhưng xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để đảm bảo tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa tội phạm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không đưa ra được T tiết giảm nhẹ mới.

Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4] Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây N1 tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Tuy nhiên, về trách nhiệm bồi thường, bị hại yêu cầu 200.000.000 đồng, trước khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã bồi thường 39.000.000 đồng; tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo chấp nhận bồi thường tiếp 161.000.000 đồng. Lẽ ra, Bản án sơ thẩm phải tuyên buộc bị cáo bồi thường 200.000.000 đồng, ghi nhận đã bồi thường 39.000.000 đồng, số tiền còn lại phải bồi thường là 161.000.000 đồng nhưng chỉ tuyên buộc bị cáo bồi thường 161.000.000 đồng là không chính xác, cần phải điều chỉnh lại.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được Tòa án chấp nhận nên bị cáo T phải chịu, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T.

2. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 117/2024/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Gò D, tỉnh Tây N1.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Điều chỉnh cách tuyên án về phần bồi thường thiệt hại như sau: buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho bị hại L Trần L 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, ghi nhận đã bồi thường 39.000.000 đồng, số tiền còn lại phải bồi thường là 161.000.000 (một trăm sáu mươi một triệu) đồng.

4. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra TADTC (Vu1)
- TAD Cấp cao tại TP-HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP-HCM;
- VKSND tỉnh TN;
- CQCSĐT CATTN;
- Sở tư pháp tỉnh Tây N1;
- VKSND huyện Gò D;
- Công A huyện Gò D;
- TAD huyện Gò D;
- CCTHADS huyện Gò D;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, THS; PKTNV &THA;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Đồng

